

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo.	C
1.1	Công nghiệp chế biến lương thực, chế biến nông sản, thực phẩm, chế biến thủy sản, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	C10, C11, C12, A0164
1.2	Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	C23
1.3	Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng, bể chứa và nồi hơi	C251
1.4	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; các dịch vụ xử lý, gia công kim loại.	C259
1.5	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	C29
1.6	Sản xuất phương tiện vận tải khác	C30
1.7	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	C32
2	Công nghiệp lắp ráp cơ khí, điện, điện tử, điện lạnh, các sản phẩm từ công nghệ mới, kỹ thuật cao phục vụ các ngành điện tử, công nghệ thông tin	

TT	Tên ngành	Mã ngành
2.1	Công nghiệp lắp ráp cơ khí	C24, C25, C28, C29 (không bao gồm mã ngành C252 - sản xuất vũ khí và đạn dược)
2.2	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	C26
2.3	Sản xuất thiết bị điện	C27
2.4	Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	C28
3	Nhóm ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	
3.1	Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	D35
4	Công nghiệp khác	
4.1	May mặc, gia công giày dép (không bao gồm nhuộm)	C13, C14, C15 (không bao gồm mã ngành C1511 - thuộc da, sơ chế da, sơ chế và nhuộm da lông thú)
4.2	Sản xuất sản phẩm từ giấy	C17 (không bao gồm mã ngành C1701 - sản xuất bột giấy, giấy và bìa)
4.3	Sản xuất thiết bị nội thất	C31
4.4	Sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic	C22
4.5	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	C2100
4.6	Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, ma tít	C2022
4.7	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	C2023
4.8	Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu	C2029
4.9	Sản xuất sợi nhân tạo	C2030
4.10	Kho vận, trạm trung chuyển, dịch vụ logistics	H52, H53
4.11	Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	C16